

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn Thép Tiến Lên

Ngày 30/06/2025	5,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.2%	-5.5%	11.1%

DT thuần Q2/25
1,880
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 588 45.5%
YoY: ▲ 246 15.1%

LN thuần Q2/25
4.65
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.87 67.3%
YoY: ▲ 160 103%

LN sau thuế Q2/25
5.32
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.34 78.4%
YoY: ▲ 158 103%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
1.7%
YoY: +/-▼ 0.6%

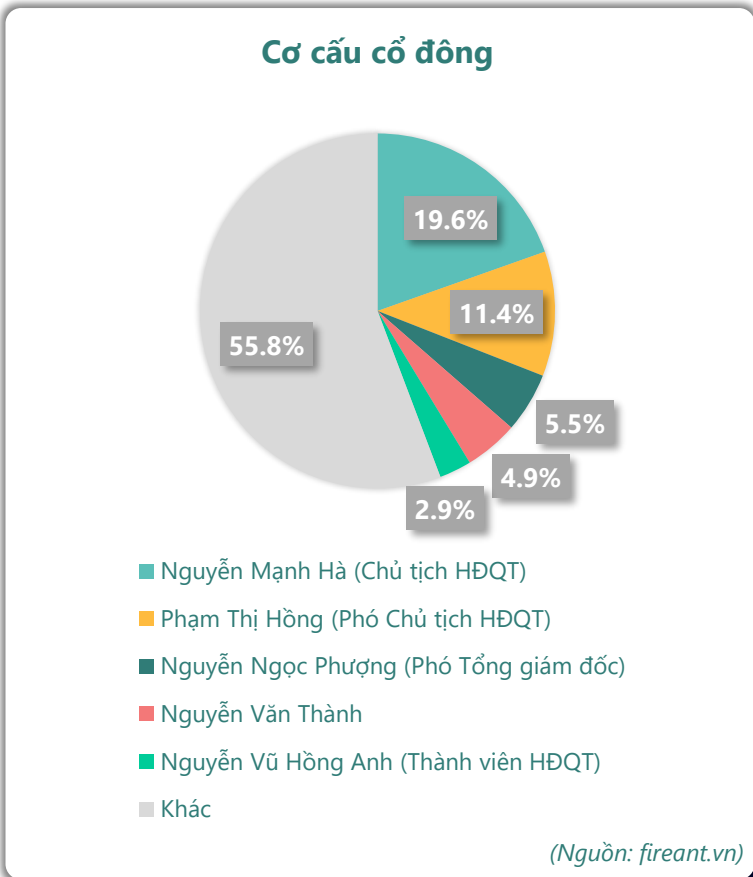
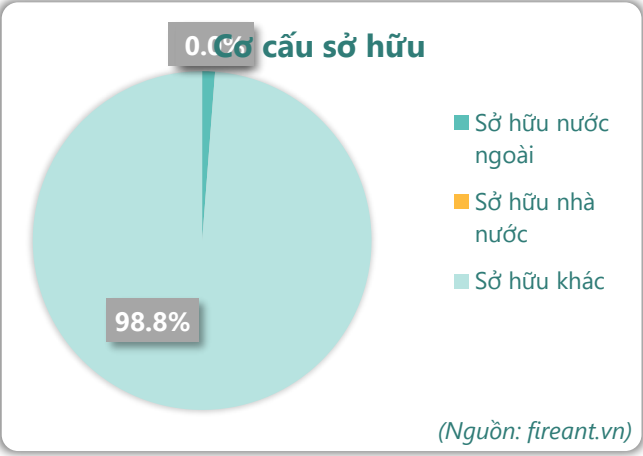
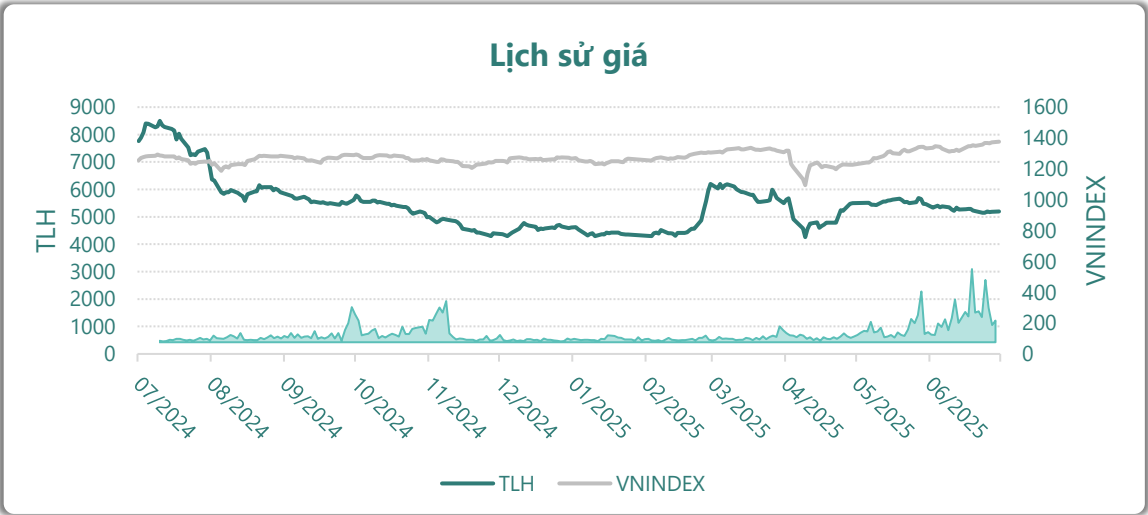
ROE (TTM) Q2/25
-28.9%
YoY: +/-▲ 8.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,260 - 8,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	584
Số lượng CPLH (CP)	112,320,017
KLGD BQ 20 phiên (CP)	236,375
Sở hữu nước ngoài	1.2%
Beta	1.08
EPS	-3,820
P/E	-1.4

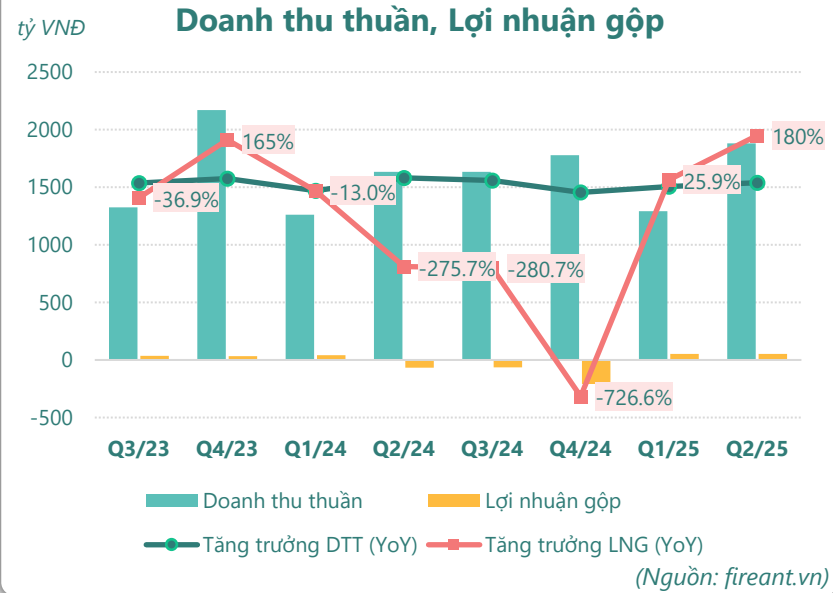
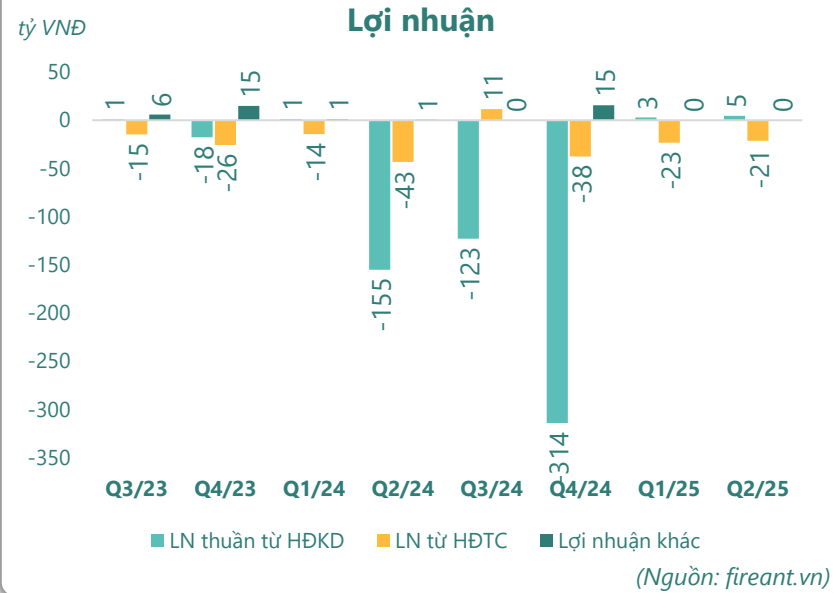
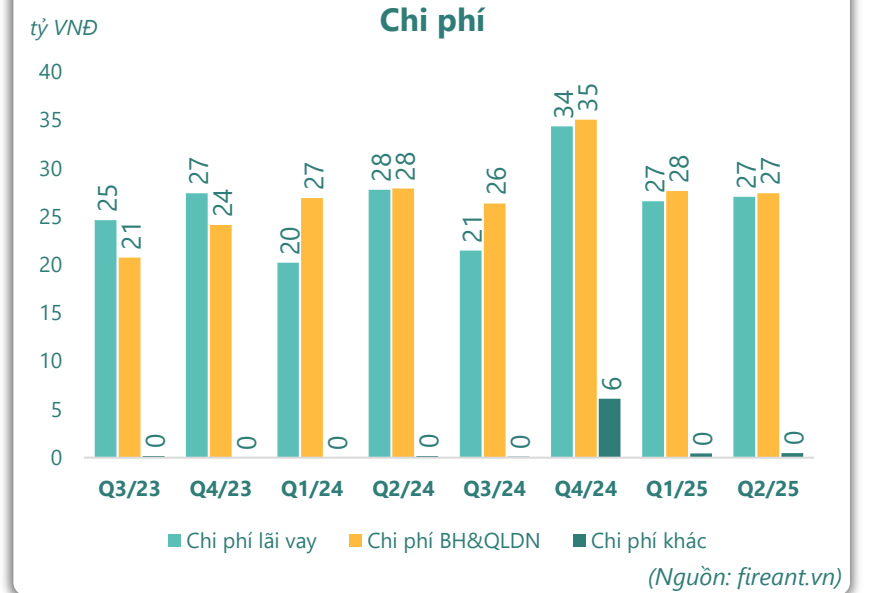
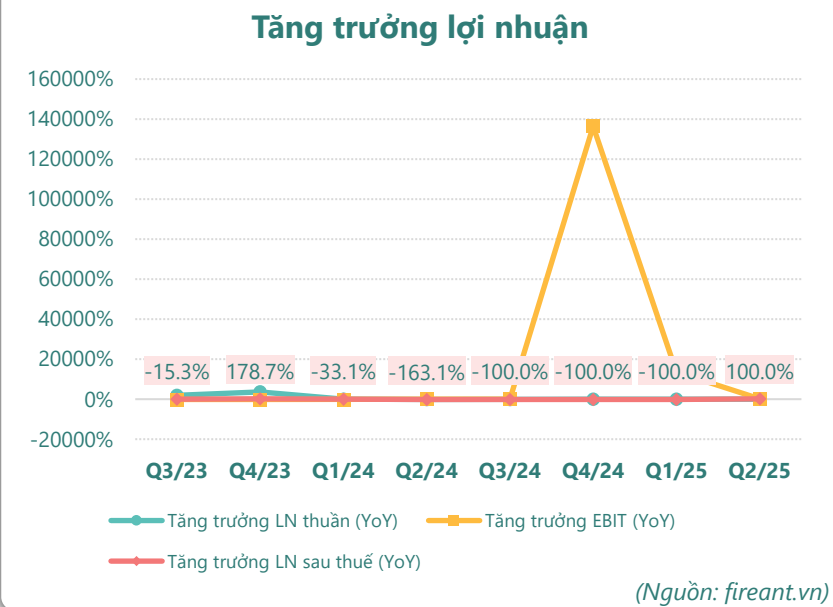
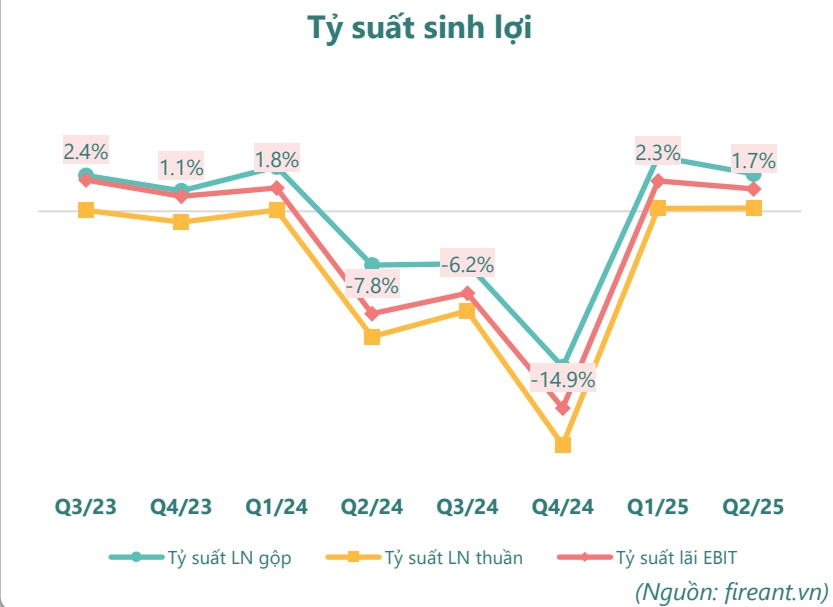
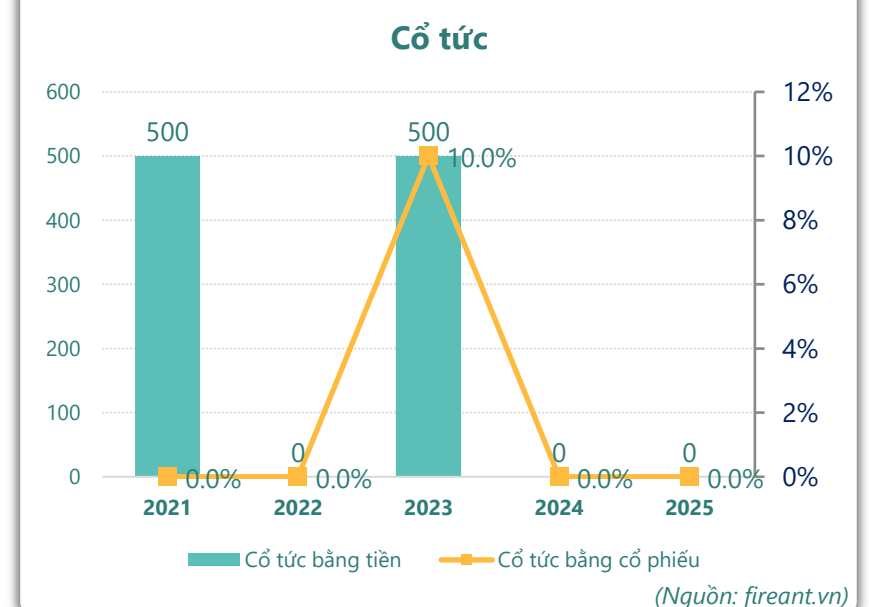
DT thuần 6T 2025
3,172
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 277 9.6%

LN thuần 6T 2025
7.43
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 161 105%

LN sau thuế 6T 2025
8.29
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 160 105%

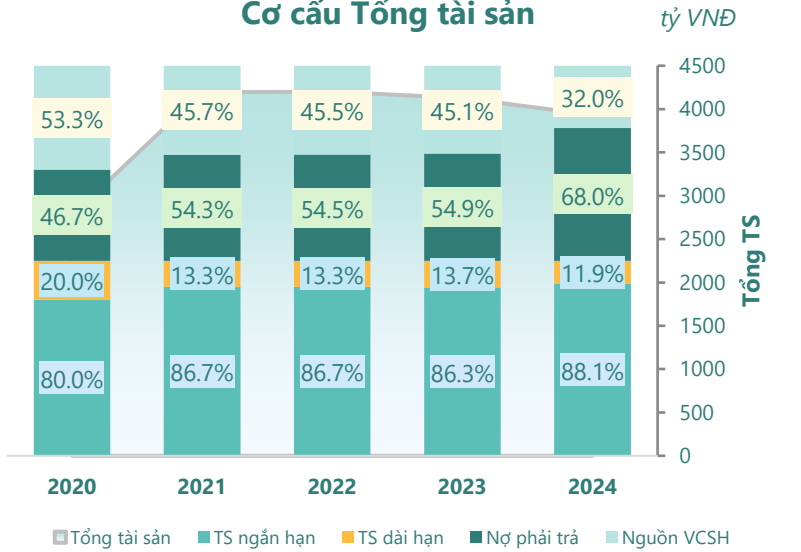


KẾT QUẢ KINH DOANH

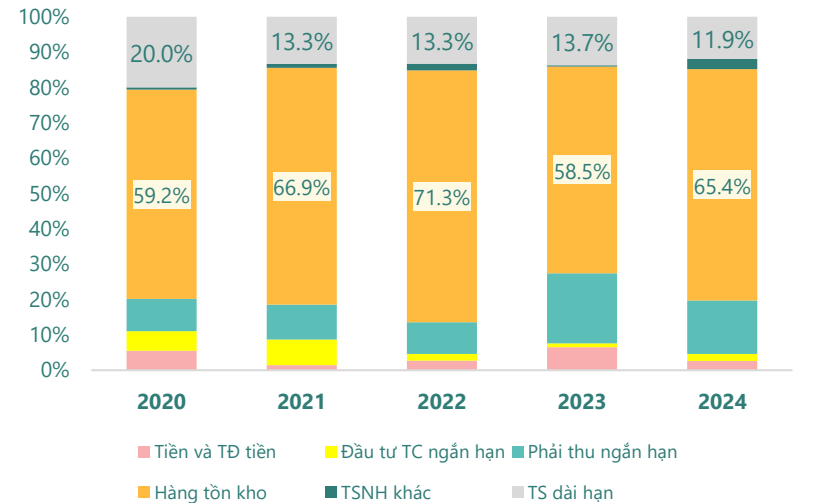


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

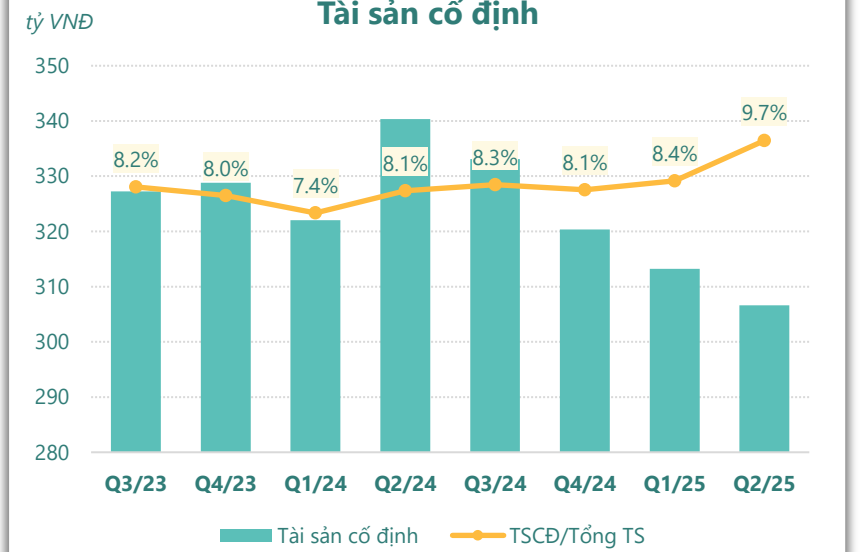
Cơ cấu Tổng tài sản



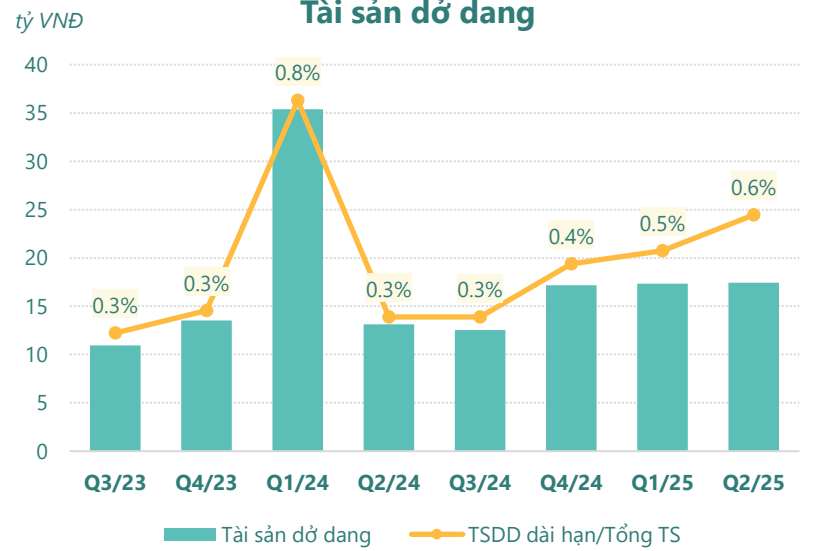
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



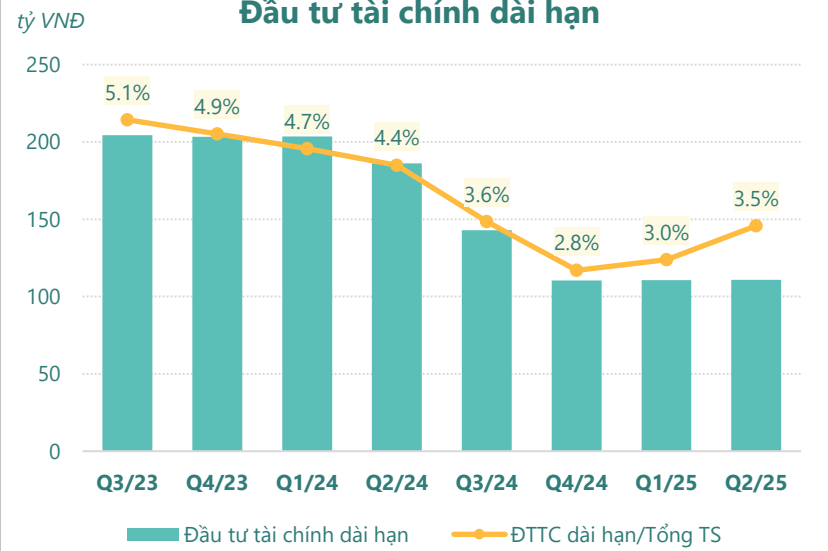
Tài sản cố định



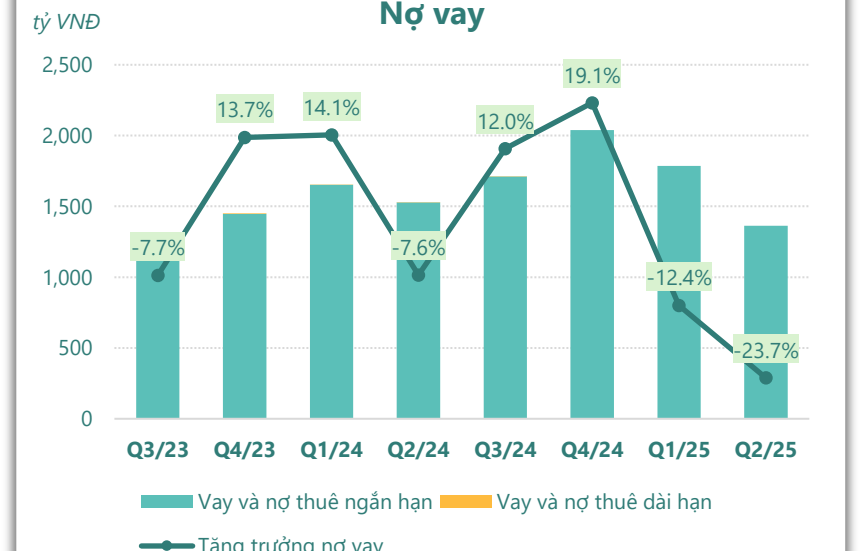
Tài sản dở dang



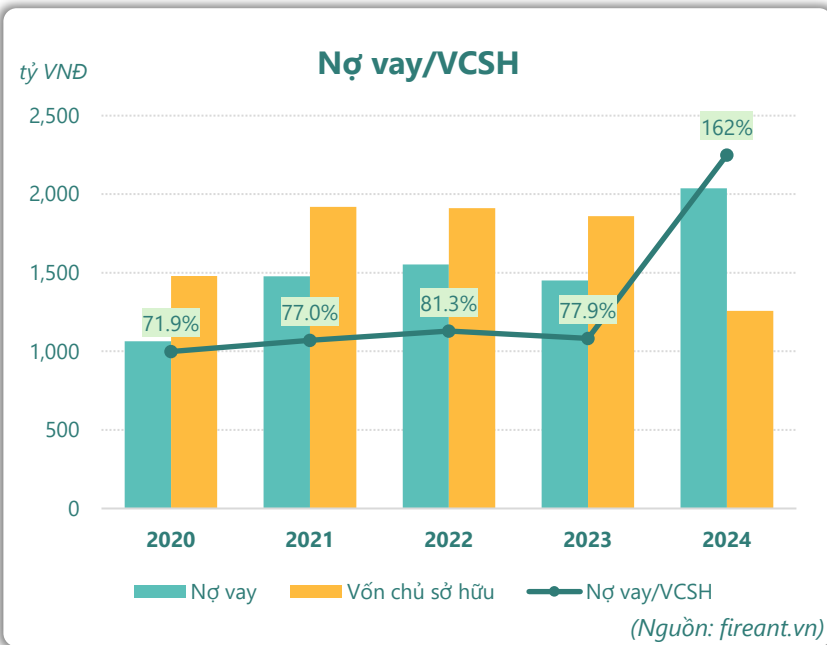
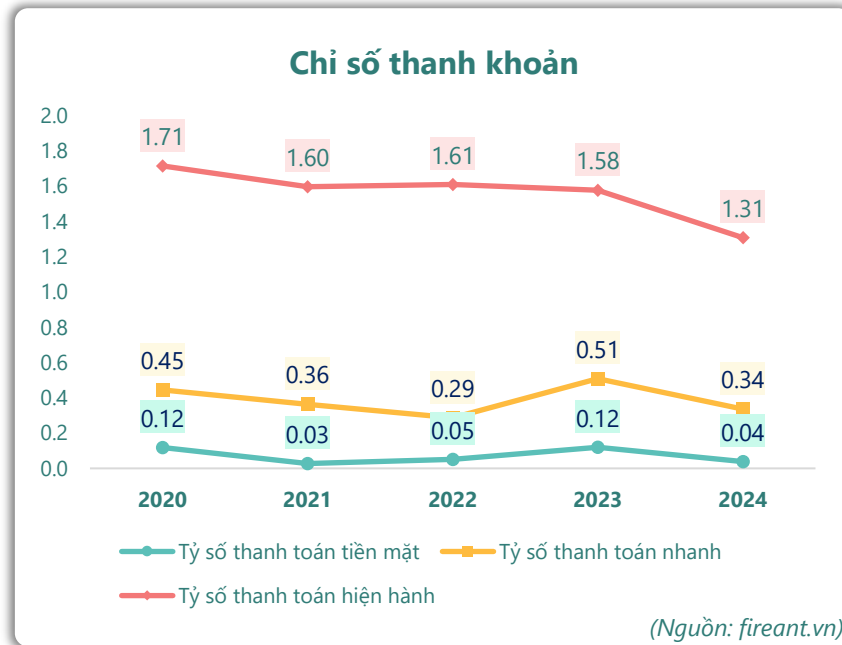
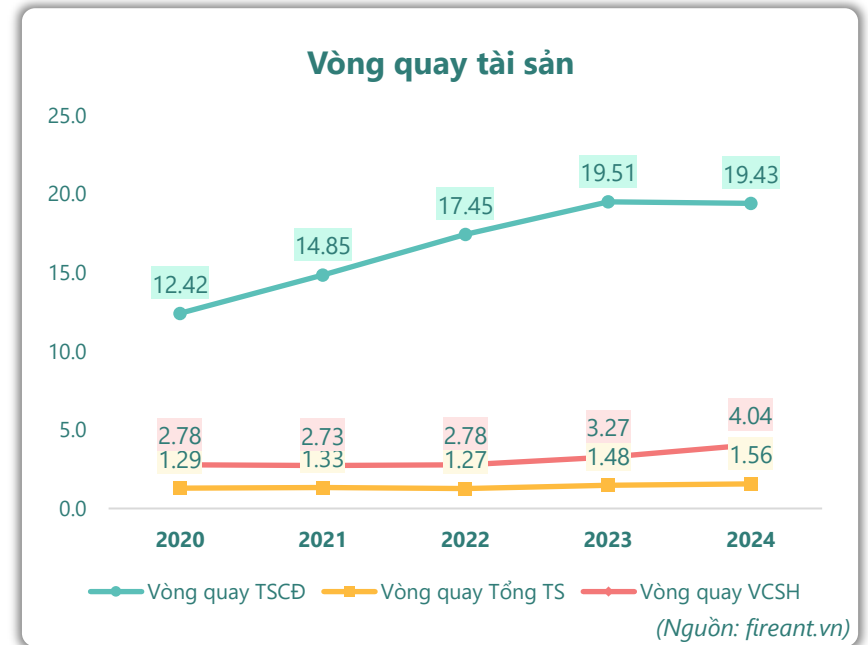
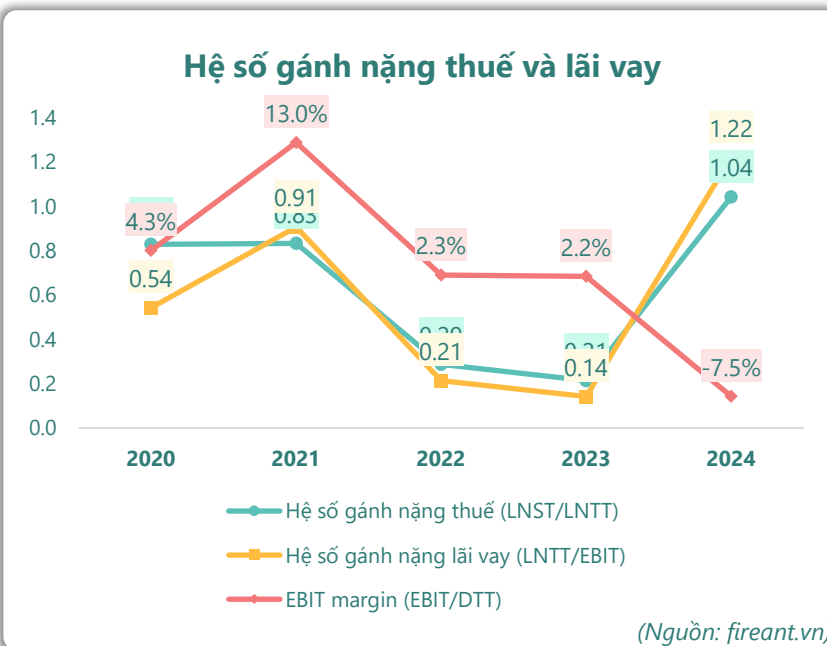
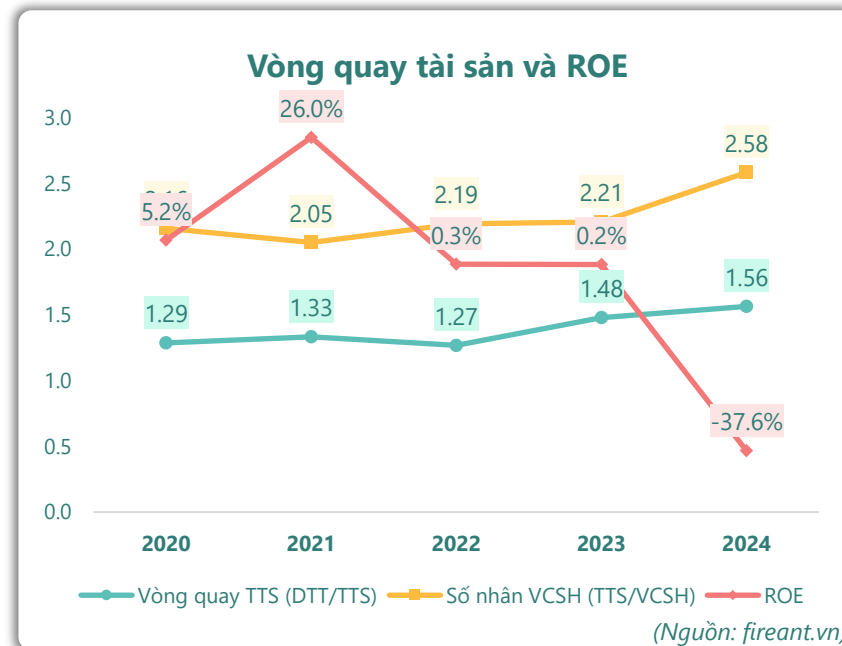
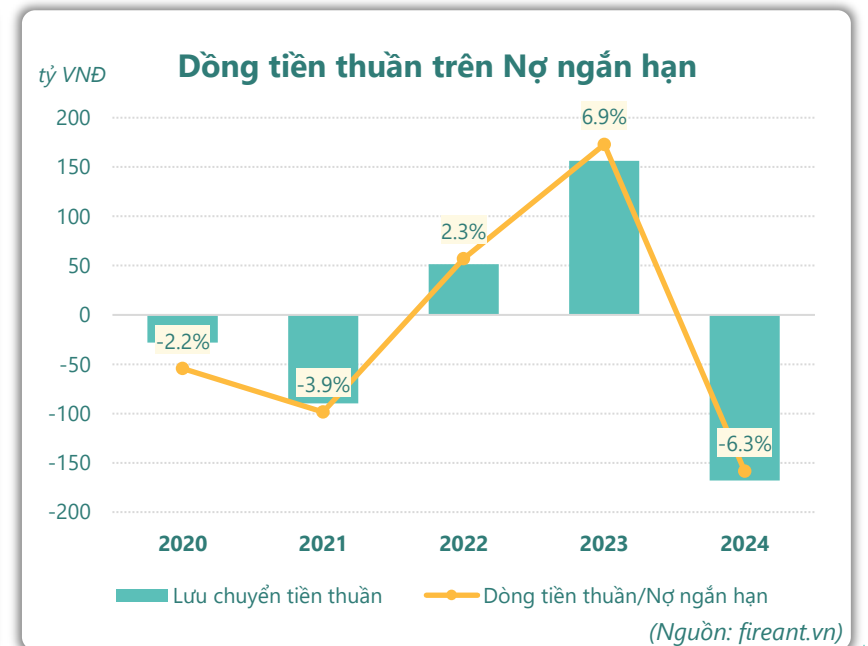
Đầu tư tài chính dài hạn



Nợ vay



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,880	1,634	15.1%	3,172	2,895	9.6%
Giá vốn hàng bán	1,827	1,700	7.5%	3,066	2,919	5.0%
Lợi nhuận gộp	53.1	-66.4	180%	106	-24.1	542%
Doanh thu HĐTC	8.32	9.86	-15.6%	14.9	17.8	-16.2%
Chi phí TC	29.6	53.1	-44.2%	59.3	75.2	-21.1%
Chi phí lãi vay	27.1	27.8	-2.7%	53.6	48.0	11.8%
LN trong công ty LKLD	0.29	-17.4	102%	0.55	-17.3	103%
Chi phí bán hàng	15.0	14.1	6.7%	28.9	28.5	1.4%
Chi phí QLDN	12.4	13.8	-10.4%	26.1	26.3	-0.7%
LN thuần từ HĐKD	4.65	-155	103%	7.43	-154	105%
Lợi nhuận khác	0.01	0.53	-97.9%	0.21	1.39	-84.8%
LN trước thuế	4.66	-154	103%	7.64	-152	105%
Lợi nhuận sau thuế	5.32	-153	103%	8.29	-152	105%
LNST của CĐ cty mẹ	4.97	-150	103%	7.80	-149	105%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-350	120	-208	-349	220	447
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.65	-2.89	22.7	11.1	13.8	-10.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	204	-127	183	327	-252	-423
Tiền đầu kỳ	270	124	115	113	102	83.5
Lưu chuyển tiền thuần	-146	-9.36	-1.66	-11.1	-18.6	13.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	124	115	113	102	83.5	97.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,168	3,932	-19.4%
Tài sản ngắn hạn	2,714	3,464	-21.7%
Tiền và tương đương tiền	97.1	102	-5.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.4	78.9	-10.8%
Phải thu ngắn hạn	425	594	-28.4%
Hàng tồn kho	2,045	2,573	-20.5%
Tài sản ngắn hạn khác	76.6	116	-33.9%
Tài sản dài hạn	454	468	-2.9%
Phải thu dài hạn	15.1	14.4	5.4%
Tài sản cố định	307	320	-4.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	17.4	17.2	1.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	111	110	0.5%
Tài sản dài hạn khác	4.21	5.44	-22.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,902	2,674	-28.9%
Nợ ngắn hạn	1,876	2,648	-29.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,364	2,038	-33.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	470	389	20.6%
Nợ dài hạn	25.4	25.5	-0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,266	1,258	0.7%
Vốn chủ sở hữu	1,266	1,258	0.7%
Vốn điều lệ	1,123	1,123	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

